

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1624 /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với một số sản phẩm vật liệu hàn có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định số 3752/QĐ-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định số 947/QĐ-BCT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm vật liệu hàn có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Vương quốc Thái Lan và Ma-lai-xi-a;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-BCT ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc gia hạn thời hạn điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm vật liệu hàn có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa;

Căn cứ Quyết định số 706/QĐ-BCT ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm vật liệu hàn có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với một số sản phẩm vật liệu hàn được phân loại theo các mã HS 7217.10.10, 7217.30.19, 7217.90.10, 7229.20.00, 7229.90.20, 7229.90.99, 8311.10.10, 8311.10.90, 8311.30.91, 8311.30.99, 8311.90.00 có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (mã vụ việc: AD15). Nội dung chi tiết được nêu tại Thông báo kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại và Thủ trưởng các đơn vị, các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, NG, TTTT;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Các website: Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Tổng cục Hải quan (Cục TXNK, Cục GSQL);
- Các Cục: CN, XNK;
- Các Vụ: AP, ĐB, PC, KHCN;
- Văn phòng BCĐLN HNQT về kinh tế;
- Lưu: VT, PVTM (08).



Trần Quốc Khánh

THÔNG BÁO

Áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với một số sản phẩm vật liệu hàn có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1624/QĐ-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức

Hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá (CBPG) chính thức bao gồm que hàn inox 308 có bọc thuốc và dây hàn thép đặc không lõi thuốc, có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a, Vương quốc Thái Lan (Thái Lan) và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc).

1.1. Que hàn inox 308 có bọc thuốc

a) Tên gọi và đặc tính cơ bản

Tên hàng hóa: Que hàn inox 308 có bọc thuốc.

Que hàn inox 308 có bọc thuốc có các đặc tính cơ bản như sau:

- Que hàn có lõi là thép inox 308;
- Đường kính lõi thép của que hàn từ 2,0 mm đến 4,0 mm với dung sai là +/- 0,2 mm;
- Que hàn được phủ thuốc bọc.

b) Mã số hàng hóa (Mã HS) và mức thuế nhập khẩu hiện hành

Que hàn inox 308 có bọc thuốc bị áp dụng thuế CBPG chính thức được phân loại theo các mã HS sau: 8311.10.90, 8311.30.99, 8311.90.00.

Mã số	Mô tả hàng hoá	Thuế ưu đãi (MFN)	ATIGA	ACFTA
Chương 83	Hàng tạp hóa làm từ kim loại cơ bản			
8311	Dây, que, ống, tấm, điện cực và các sản phẩm tương tự, bằng kim loại cơ			

Mã số	Mô tả hàng hoá	Thuế ưu đãi (MFN)	ATIGA	ACFTA
	bản hoặc carbide kim loại, được bọc, phủ hoặc có lõi bằng chất trợ dung, loại dùng để hàn xì, hàn hơi, hàn điện hoặc bằng cách ngưng tụ kim loại hoặc carbide kim loại; dây và que, từ			
<u>8311.10</u>	- Điện cực bằng kim loại cơ bản, đã được phủ chất trợ dung, để hàn hồ quang điện:			
<u>8311.10.90</u>	- - Loại khác	25%	0%	0%
<u>8311.30</u>	- Que hàn được phủ, bọc và dây hàn có lõi, bằng kim loại cơ bản, dùng để hàn chảy, hàn hơi hoặc hàn bằng ngọn lửa:			
	- - Loại khác:			
<u>8311.30.99</u>	- - - Loại khác	15%	0%	0%
<u>8311.90.00</u>	- Loại khác	25%	0%	0%

Bộ Công Thương có thể sửa đổi, bổ sung danh sách các mã HS của hàng hoá bị áp dụng thuế CBPG chính thức để phù hợp với mô tả hàng hoá bị điều tra và các thay đổi khác (nếu có).

c) Hàng hóa được loại trừ áp dụng biện pháp CBPG chính thức

Hàng hóa thỏa mãn một trong các điều kiện sau đây được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng thuế CBPG chính thức đối với que hàn inox 308 có bọc thuốc:

- Que hàn có lõi không phải thép inox 308;
- Lõi thép inox 308 có đường kính lớn hơn 4,2 mm hoặc nhỏ hơn 1,8 mm;
- Que hàn không được phủ thuốc bọc.

1.2. Dây hàn thép đặc không lõi thuốc

a) Tên gọi

Tên hàng hóa: Dây hàn thép đặc không lõi thuốc.

Dây hàn thép đặc không lõi thuốc có các đặc tính cơ bản như sau:

- Dây hàn có lõi là thép (không bao gồm thép inox);
- Đường kính lõi thép của dây hàn nhỏ hơn hoặc bằng 5,0 mm;
- Dây hàn được mạ đồng hoặc không mạ;

- Lõi thép của dây hàn chứa các nguyên tố có hàm lượng phần trăm (%) theo khối lượng thuộc phạm vi sau: Các-bon (C) từ 0,04% đến 0,2%, Phốt pho (P) nhỏ hơn hoặc bằng 0,03%, Lưu huỳnh (S) nhỏ hơn hoặc bằng 0,035%.

b) Mã số hàng hóa (Mã HS) và mức thuế nhập khẩu hiện hành

Dây hàn thép đặc không lõi thuốc bị áp dụng thuế CBPG chính thức được phân loại theo các mã HS sau: 7217.10.10, 7217.30.19, 7217.90.10, 7229.20.00, 7229.90.20, 7229.90.99, 8311.10.10, 8311.10.90, 8311.30.91, 8311.30.99, 8311.90.00.

Mã số	Mô tả hàng hoá	Thuế ưu đãi (MFN)	ATIGA	ACFTA
Chương 72	Sắt và thép			
<u>7217</u>	Dây của sắt hoặc thép không hợp kim.			
<u>7217.10</u>	- Không được mạ hoặc tráng, đã hoặc chưa được đánh bóng:			
<u>7217.10.10</u> ¹	-- Có hàm lượng carbon dưới 0,25% tính theo trọng lượng	15%	0%	0%
<u>7217.30</u>	- Được mạ hoặc tráng kim loại cơ bản khác:			
-	-- Có hàm lượng carbon dưới 0,25% tính theo trọng lượng:			
<u>7217.30.19</u>	- - - Loại khác	15%	0%	0%
<u>7217.90</u>	- Loại khác:			
<u>7217.90.10</u>	-- Có hàm lượng carbon dưới 0,25% tính theo trọng lượng	10%	0%	0%
<u>7229</u>	Dây thép hợp kim khác.			
<u>7229.20.00</u>	- Bằng thép silic-mangan	0%	0%	0%
<u>7229.90</u>	- Loại khác:			
<u>7229.90.20</u>	-- Mặt cắt ngang không quá 5,5 mm	0%	0%	0%
	-- Loại khác:			
<u>7229.90.99</u> ²	- - - Loại khác	0%	0%	0%
Chương 83	Hàng tạp hóa làm từ kim loại cơ bản			
<u>8311</u>	Dây, que, ống, tấm, điện cực và các sản phẩm tương tự, bằng kim loại cơ bản hoặc carbide kim loại, được bọc, phủ hoặc có lõi bằng chất trợ dung,			

¹ Sản phẩm có mã HS trên đang bị áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với sản phẩm thép cuộn, thép dây

² Sản phẩm có mã HS trên đang bị áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với sản phẩm thép cuộn, thép dây

Mã số	Mô tả hàng hoá	Thuế ưu đãi (MFN)	ATIGA	ACFTA
	loại dùng để hàn xì, hàn hơi, hàn điện hoặc bằng cách ngưng tụ kim loại hoặc carbide kim loại; dây và que, từ			
<u>8311.10</u>	- Điện cực bằng kim loại cơ bản, đã được phủ chất trợ dung, để hàn hồ quang điện:			
<u>8311.10.10</u>	- - Dạng cuộn	25%	0%	0%
<u>8311.10.90</u>	- - Loại khác	25%	0%	0%
<u>8311.30</u>	- Que hàn được phủ, bọc và dây hàn có lõi, bằng kim loại cơ bản, dùng để hàn chảy, hàn hơi hoặc hàn bằng ngọn lửa:			
	- - Loại khác:			
<u>8311.30.91</u>	- - - Dạng cuộn	15%	0%	0%
<u>8311.30.99</u>	- - - Loại khác	15%	0%	0%
<u>8311.90.00</u>	- Loại khác	25%	0%	0%

Bộ Công Thương có thể sửa đổi, bổ sung danh sách các mã HS của hàng hoá bị áp dụng thuế CBPG chính thức để phù hợp với mô tả hàng hoá bị điều tra và các thay đổi khác (nếu có).

c) Hàng hóa được loại trừ áp dụng biện pháp CBPG chính thức

Hàng hóa thỏa mãn một trong các điều kiện sau đây được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng thuế CBPG chính thức đối với dây hàn thép đặc không lõi thuốc:

- Dây hàn có lõi là thép inox hoặc kim loại cơ bản khác không phải là thép;
- Đường kính lõi thép của dây hàn lớn hơn 5,0 mm;
- Lõi thép chứa một trong các nguyên tố có hàm lượng phần trăm (%) theo khối lượng thuộc phạm vi sau: Các-bon (C) lớn hơn 0,2% hoặc Phốt pho (P) lớn hơn 0,03% hoặc Lưu huỳnh (S) lớn hơn 0,035% hoặc Crom (Cr) từ 8% trở lên;
- Dây hàn có lõi thuốc hoặc dây hàn có lõi là chất trợ dung;
- Dây hàn được mạ bằng kim loại cơ bản khác không phải đồng;
- Dây hàn dạng thanh, que có chiều dài nhỏ hơn hoặc bằng 500 mm.

2. Kết luận điều tra chính thức

Kết luận điều tra chính thức của Cơ quan điều tra xác định rằng có tồn tại: (i) hành vi bán phá giá của hàng hóa nhập khẩu bị điều tra; (ii) ngành sản xuất trong

nước đang chịu thiệt hại đáng kể; và (iii) có mối quan hệ nhân quả giữa việc nhập khẩu hàng hóa bán phá giá với thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước.

3. Mức thuế CBPG chính thức

3.1. Đối với que hàn inox 308 có bọc thuốc

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu (Cột 1)	Mức thuế CBPG chính thức (Cột 2)
MA-LAI-XI-A		
1	Kiswel Sdn. Bhd	Không áp dụng do thỏa mãn điều kiện tại khoản 2 Điều 78 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14
2	Tổ chức, cá nhân khác sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a	12,78%
THÁI LAN		
3	Thai Hansa Welding Electrodes Co., Ltd	36,11%
4	Tổ chức, cá nhân khác sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Thái Lan	36,11%
TRUNG QUỐC		
5	Tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Trung Quốc	11,43%

3.2. Đối với dây hàn thép đặc không lõi thuốc

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu (Cột 1)	Mức thuế CBPG chính thức (Cột 2)
MA-LAI-XI-A		
1	Kiswel Sdn. Bhd	14,11%
2	Tổ chức, cá nhân khác sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a	34,37%
THÁI LAN		
3	Tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Thái Lan	Không áp dụng do thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 78 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14
TRUNG QUỐC		
4	Lincoln Electric (Tangshan) Welding Materials Co., Ltd	22,77%
5	Tổ chức, cá nhân khác sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Trung Quốc	36,56%

4. Hiệu lực và thời hạn áp dụng thuế CBPG chính thức

a) Hiệu lực

Thuế CBPG chính thức có hiệu lực kể từ ngày Quyết định áp dụng thuế CBPG chính thức có hiệu lực.

b) Thời hạn áp dụng

Thời hạn áp dụng thuế CBPG chính thức là 05 (năm) năm kể từ ngày Quyết định áp dụng thuế CBPG chính thức có hiệu lực (trừ trường hợp được thay đổi, gia hạn theo Quyết định khác của Bộ trưởng Bộ Công Thương).

5. Thủ tục, hồ sơ kiểm tra và áp dụng thuế CBPG chính thức

5.1. Quy định chung

Để có cơ sở xác định xuất xứ của hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế CBPG, Cơ quan Hải quan sẽ thực hiện kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa gồm:

- a) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O); hoặc
- b) Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa phù hợp với quy định tại:
 - Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương;
 - Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực;
 - Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu;
 - Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai-len; và
 - Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN.

Nội dung kiểm tra cụ thể như sau:

5.2. Đối với que hàn inox 308 có bọc thuốc

Bước 1: Kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa

- Trường hợp 1: Nếu người khai hải quan không nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa thì áp dụng mức thuế CBPG chính thức là 36,11%.
- Trường hợp 2: Nếu người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ nước, vùng lãnh thổ khác không phải là Ma-lai-xi-a, Thái Lan và Trung Quốc thì không phải nộp thuế CBPG chính thức.

- Trường hợp 3: Nếu người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ Ma-lai-xi-a, Thái Lan và Trung Quốc thì chuyển sang Bước 2.

Bước 2: Kiểm tra Giấy chứng nhận chất lượng (bản chính) của nhà sản xuất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận nhà sản xuất)

- Trường hợp 1: Nếu: (i) người khai hải quan không nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất hoặc (ii) nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất nhưng tên nhà sản xuất trên Giấy chứng nhận không trùng với tên nhà sản xuất nêu tại Cột 1 Mục 3.1 của Thông báo này thì nộp thuế CPBG chính thức ở mức như sau:

- + 12,78% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Ma-lai-xi-a;
- + 36,11% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Thái Lan; và
- + 11,43% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Trung Quốc.

- Trường hợp 2: Nếu người khai hải quan nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất và tên nhà sản xuất trên Giấy chứng nhận trùng với tên của nhà sản xuất nêu tại Cột 1 Mục 3.1 của Thông báo này thì chuyển sang Bước 3.

Bước 3: Kiểm tra tên nhà xuất khẩu

- Trường hợp 1: Nếu tên nhà xuất khẩu (dựa trên hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại) trùng với tên nhà sản xuất nêu tại Cột 1 thì nộp mức thuế tương ứng theo hàng ngang tại Cột 2 Mục 3.1 của Thông báo này.

- Trường hợp 2: Nếu tên nhà xuất khẩu (dựa trên hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại) không trùng với tên nhà sản xuất tại Cột 1 Mục 3.1 thì nộp thuế CPBG chính thức ở mức như sau:

- + 12,78% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Ma-lai-xi-a;
- + 36,11% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Thái Lan; và
- + 11,43% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Trung Quốc.

5.3. Đối với dây hàn thép đặc không lõi thuốc

Bước 1: Kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa

- Trường hợp 1: Nếu người khai hải quan không nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa thì áp dụng mức thuế CBPG chính thức là 36,56%.

- Trường hợp 2: Nếu người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ nước, vùng lãnh thổ khác không phải là Ma-lai-xi-a và Trung Quốc thì không phải nộp thuế CBPG chính thức.

- Trường hợp 3: Nếu người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ Ma-lai-xi-a và Trung Quốc thì chuyển sang Bước 2.

Bước 2: Kiểm tra Giấy chứng nhận chất lượng (bản chính) của nhà sản xuất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận nhà sản xuất)

- Trường hợp 1: Nếu: (i) người khai hải quan không nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất hoặc (ii) nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất nhưng tên nhà sản xuất trên Giấy chứng nhận không trùng với tên nhà sản xuất nêu tại Cột 1 Mục 3.2 của Thông báo này thì nộp thuế CPBG chính thức ở mức như sau:

- + 34,37% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Ma-lai-xi-a; và
- + 36,56% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Trung Quốc.

- Trường hợp 2: Nếu người khai hải quan nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất và tên nhà sản xuất trên Giấy chứng nhận trùng với tên của nhà sản xuất nêu tại Cột 1 Mục 3.2 của Thông báo này thì chuyển sang Bước 3.

Bước 3: Kiểm tra tên nhà xuất khẩu

- Trường hợp 1: Nếu tên nhà xuất khẩu (dựa trên hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại) trùng với tên nhà sản xuất nêu tại Cột 1 thì nộp mức thuế tương ứng theo hàng ngang tại Cột 2 Mục 3.2 của Thông báo này.

- Trường hợp 2: Nếu tên nhà xuất khẩu (dựa trên hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại) không trùng với tên nhà sản xuất tại Cột 1 Mục 3.2 thì nộp thuế CPBG chính thức ở mức như sau:

- + 34,37% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Ma-lai-xi-a; và
- + 36,56% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Trung Quốc.

6. Mức chênh lệch thuế CBPG

Trong vụ việc này, các tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu có tên sau đây được xác định có chênh lệch giữa mức thuế CBPG chính thức và mức thuế CBPG tạm thời đối với sản phẩm dây hàn thép đặc không lõi thuốc:

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Mức thuế CBPG tạm thời	Mức thuế CBPG chính thức	Chênh lệch mức thuế CBPG
		(1)	(2)	(3)=(2)-(1)
MA-LAI-XI-A				
1	Kiswel Sdn. Bhd	15,30%	14,11%	-1,19%

Các tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa của Công ty Kiswel Sdn. Bhd được hoàn lại khoản chênh lệch về thuế đã nộp.

7. Trình tự thủ tục tiếp theo của vụ việc

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 16 Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Cơ quan điều tra sẽ thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị miễn trừ sau khi Bộ Công Thương ban hành quyết định áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại chính thức.

